

Số: 4108 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 12 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung,
danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực y tế
trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 45/2020/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 2976/QĐ-BYT ngày 07/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 159/QĐ-BYT ngày 18/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị thay thế và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh và Quyết định số 743/QĐ-BYT ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 159/QĐ-BYT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 150/TTr-SYT ngày 14/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Y tế tổ chức thực hiện việc công khai danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ được ban hành tại Quyết định này; xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến thành phố theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các sở ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Bộ Y tế;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Đài PTTHHP, Báo HP, Cổng TTĐTTP;
- Các Phòng: KSTTHC, VX;
- Lưu: VT, KSTTHC2.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tùng

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
(Kèm theo Quyết định số 4108 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh

STT	Mã hồ sơ TTHC	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1213/QĐ-UBND NGÀY 12/4/2024 CỦA CHỦ TỊCH UBND TP		NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG (Theo Quyết định số 2976/QĐ-BYT ngày 07/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế)	
		Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	1.012256	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực	Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám chữa bệnh; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền); Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	2. Sở Y tế: a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân (bao gồm cả bệnh viện tư nhân) trên địa bàn quản lý.
2	1.012275	Đăng ký hành nghề	Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám chữa bệnh; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền); Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đăng ký hành nghề	Sở Y tế: a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý (trừ bệnh viện tư nhân).
3	1.012276	Thu hồi giấy phép hành nghề trong trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám chữa bệnh; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền); Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thu hồi giấy phép hành nghề trong trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh	2. Sở Y tế: a) Đối với người làm việc tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành) trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân (trừ bệnh viện tư nhân);

					c) Đối với người đang không làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
4	1.012278	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám chữa bệnh; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền; Cục Quản lý môi trường y tế); Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế: a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý (trừ bệnh viện tư nhân).
5	1.012279	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám chữa bệnh; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền; Cục Quản lý môi trường y tế); Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế: a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý (trừ bệnh viện tư nhân).
6	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám chữa bệnh; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền; Cục Quản lý môi trường y tế); Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế: a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý (trừ bệnh viện tư nhân).
7	1.012281	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám chữa bệnh; Cục Phòng, chống HIV/AIDS); Bộ Quốc phòng; Bộ Công An; Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế, bao gồm cả bệnh viện tư nhân: hồ sơ gửi về Sở Y tế nơi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đặt trụ sở.
8	1.012257	Cho phép tổ chức đoàn khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám chữa bệnh; Cục	Cho phép tổ chức đoàn khám bệnh,	Sở Y tế đối với trường hợp tổ chức, cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt hoặc khám

		nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	Quản lý Y, Dược cổ truyền); Bộ Quốc phòng; Bộ Công An; Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	bệnh, chữa bệnh lưu động trừ các trường hợp quy định tại các mục 1, 2 và 3.
9	1.012258	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh.	Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám chữa bệnh); Bộ Quốc phòng; Bộ Công An; Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh.	Sở Y tế đối với trường hợp người nước ngoài vào làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế hoặc tại địa bàn quản lý.
10	1.012260	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám chữa bệnh; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền); Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Sở Y tế: a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân (bao gồm cả bệnh viện tư nhân) trên địa bàn quản lý.
11	1.012261	Cho phép thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám chữa bệnh; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền); Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Cho phép thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Sở Y tế: a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý (trừ bệnh viện tư nhân).
	1.0012262	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám chữa bệnh; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền); Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	Sở Y tế xếp cấp chuyên môn kỹ thuật đối với các bệnh viện trên địa bàn quản lý (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành) và các bệnh viện tư nhân đã được Bộ Y tế cấp giấy phép hoạt động, trừ bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

			dân cấp tỉnh		
12	1.012289	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám chữa bệnh; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền); Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Sở Y tế: (a) Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành) trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; (b) Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân (trừ bệnh viện tư nhân); (c) Đối với người đang không làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. - Cơ quan đã cấp chứng chỉ hành nghề: đối với trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 143 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (cấp lại, điều chỉnh chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12).
13	1.012290	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám chữa bệnh; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền); Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng (1.012290)	Sở Y tế: (a) Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành) trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; (b) Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân (trừ bệnh viện tư nhân); (c) Đối với người đang không làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. - Cơ quan đã cấp chứng chỉ hành nghề: đối với trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 143 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (cấp lại, điều chỉnh chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12).
14	1.012291	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức	Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám chữa bệnh; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền); Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực	Sở Y tế: (a) Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành) trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; (b) Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh,

		danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		năng lực hành nghề chữa bệnh tư nhân (trừ bệnh viện tư nhân); đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	chữa bệnh (trừ bệnh viện tư nhân); (c) Đối với người đang không làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. - Cơ quan đã cấp chứng chỉ hành nghề: đối với trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 143 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (cấp lại, điều chỉnh chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12).
15	1.012292	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám chữa bệnh; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền); Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Sở Y tế: a) Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành) trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân (trừ bệnh viện tư nhân); (c) Đối với người đang không làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. - Cơ quan đã cấp chứng chỉ hành nghề: đối với trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 143 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (cấp lại, điều chỉnh chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12).

Ghi chú: Các nội dung khác giữ nguyên như Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 của Chủ tịch UBND thành phố.



B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ

I. Lĩnh vực khám, chữa bệnh

TT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính, lý do bãi bỏ (theo Quyết định số 2976/QĐ-BYT ngày 07/10/2024)	Cơ quan thực hiện
1	1.012259	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Do chưa thực hiện tại thời điểm này	Sở Y tế
2	1.012265	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Do chưa thực hiện tại thời điểm này	Sở Y tế
3	1.012270	Điều chỉnh giấy phép hành nghề	Do chưa thực hiện tại thời điểm này	Sở Y tế
4	1.012269	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Do chưa thực hiện tại thời điểm này	Sở Y tế
5	1.001086	Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Nghị định số 96/2023/NĐCP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.	Sở Y tế